**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ II**

**MÔN TIN HỌC 11**

**I. TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1. Cột dữ liệu từ tra cứu giúp người dùng làm gì?**

 **A. Kết nối hai bảng với nhau**

 **B. Lựa chọn dữ liệu từ danh sách có sẵn thay vì phải nhập liệu**

 **C. Tự động sắp xếp các bản ghi**

 **D. Tạo dữ liệu mới từ bảng khác**

**Câu 2. Chế độ nào trong Access giúp người dùng nhập dữ liệu vào biểu mẫu?**

 **A. Layout View B. Form View C. Datasheet View D. Design View**

**Câu 3. Hành động nào giúp chỉnh sửa mối quan hệ giữa hai bảng?**

 **A. Tạo mối quan hệ mới giữa hai bảng**

 **B. Chọn mối quan hệ và nhấn nút Edit Relationship**

 **C. Xoá bảng và tạo lại từ đầu**

 **D. Kéo lại trường khoá ngoại vào trường khoá chính**

**Câu 4. Khi thiết lập kiểu dữ liệu từ tra cứu, bước đầu tiên là gì?**

 **A. Chọn bảng làm nguồn tra cứu**

 **B. Mở bảng trong khung nhìn thiết kế**

 **C. Tạo trường khoá ngoại mới**

 **D. Đánh dấu hộp kiểm Enforce Referential Integrity**

**Câu 5. Trong Access, để tạo một bảng mới, ta thực hiện thao tác nào?**

 **A. Chọn "Create Report" B. Chọn "Create Table"**

 **C. Chọn "Create Form D. Chọn "Create Query"**

**Câu 6. Khi sử dụng phép nối ngoài phải, hệ thống sẽ làm gì?**

 **A. Lấy tất cả các bản ghi của bảng bên trái**

 **B. Lấy tất cả các bản ghi của bảng bên phải và chỉ nối với các bản ghi khớp của bảng bên trái**

 **C. Lấy tất cả các bản ghi của bảng bên phải và bảng bên trái**

 **D. Chỉ nối các bản ghi của bảng bên phải**

**Câu 7. Để tạo biểu mẫu hiển thị đồng bộ dữ liệu từ nhiều bảng, bạn chọn loại biểu mẫu nào trong Form Wizard?**

 **A. DataSheet B. Form with Subform**

 **C. Split Form D. Linked Forms**

**Câu 8. Trong truy vấn, nếu bạn muốn chỉ hiển thị các bản ghi không có giá trị (NULL), bạn sẽ sử dụng biểu thức nào?**

 **A. Is Null B. Is Not Null C. Not In D. Between**

**Câu 9. Biểu mẫu một bản ghi trong Access được dùng để làm gì?**

 **A. Hiển thị nhiều bản ghi cùng một lúc**

 **B. Hiển thị một bản ghi tại một thời điểm**

 **C. Thực hiện các phép tính phức tạp**

 **D. Thực hiện tìm kiếm trên toàn bộ cơ sở dữ liệu**

**Câu 10. Liên kết giữa hai bảng trong cơ sở dữ liệu nhằm mục đích gì?**

 **A. Tạo ra các bản sao của bảng**

 **B. Tạo mối quan hệ giữa các bảng để đảm bảo toàn vẹn dữ liệu**

 **C. Tạo ra các trường khoá ngoại**

 **D. Kết nối dữ liệu giữa các trường khác nhau**

**Câu 11. Khi thiết kế một bảng trong Access, loại dữ liệu nào nên dùng cho cột "Ngày sinh"?**

 **A. Date/Time B. Number C. Short Text D. Currency**

**Câu 12. Các dải lệnh File, Home, Create, External Data, Database Tools, … nằm ở vị trí**

 **A. Các nút lệnh thay đổi khung nhìn B. Vùng điều hướng**

 **C. Vùng làm việc D. Vùng nút lệnh**

**Câu 13. Biểu mẫu có kết buộc trong Access có đặc điểm gì?**

 **A. Kết nối trực tiếp với các trường trong bảng cơ sở dữ liệu**

 **B. Không thay đổi dữ liệu trong bảng**

 **C. Không hiển thị dữ liệu từ bảng**

 **D. Không thể sử dụng để nhập hoặc chỉnh sửa dữ liệu**

**Câu 14. Để tạo cơ sở dữ liệu mới từ Blank Database, bước đầu tiên là gì?**

 **A. Lưu cơ sở dữ liệu**

 **B. Mở bảng dữ liệu**

 **C. Nhập dữ liệu vào bảng**

 **D. Chọn New và chọn Blank desktop database**

**Câu 15. Kiểu dữ liệu Curency có kích thước:**

 **A. 4 byte B. 6 byte C. 1 bit D. 8 byte**

**Câu 16. Để tạo nhanh một biểu mẫu trong Access, bạn sử dụng nhóm lệnh nào?**

 **A. Create B. Data Tools C. Navigation D. External Data**

**Câu 17. Thao tác nào là bắt buộc khi xoá mối quan hệ giữa hai bảng?**

 **A. Không thể xoá mối quan hệ đã thiết lập**

 **B. Xoá bảng bên phải**

 **C. Nhấn phím Delete sau khi chọn mối quan hệ**

 **D. Nhấn nút Edit Relationship và chọn Delete**

**Câu 18. Công cụ nào trong Access hỗ trợ tạo biểu mẫu có tùy biến như chọn các trường dữ liệu từ nhiều bảng?**

 **A. Form Wizard B. Query Design C. Report Wizard D. Navigation Pane**

**Câu 19. Chức năng của vùng điều hướng trong Access là gì?**

 **A. Thay đổi khung nhìn cho đối tượng**

 **B. Lưu tệp cơ sở dữ liệu**

 **C. Hiển thị các đối tượng trong cơ sở dữ liệu**

 **D. Hiển thị các lệnh thao tác**

**Câu 20. Khi nào thì bạn nên sử dụng truy vấn có tham số?**

 **A. Khi bạn muốn mời người sử dụng nhập một giá trị trong khi chạy truy vấn**

 **B. Khi bạn muốn xoá dữ liệu**

 **C. Khi bạn muốn chọn tất cả các bản ghi**

 **D. Khi bạn muốn tạo bảng mới**

**Câu 21. Tiêu chí lựa chọn trong truy vấn được thể hiện ở đâu?**

 **A. Trong phần lưới ô hàng Criteria B. Trong phần lưới ô hàng Table**

 **C. Trong phần lưới ô hàng Sort D. Trong phần lưới ô hàng Field**

**Câu 22. Cột nào trong bảng thường được dùng làm khóa chính?**

 **A. Cột chứa các giá trị chuỗi dài.**

 **B. Cột chứa các giá trị duy nhất không lặp lại.**

 **C. Cột chứa ngày tháng**

 **D. Cột lưu trữ dữ liệu kiểu số.**

**Câu 23. Trong bảng "Sách", cột nào có thể được lập chỉ mục (Indexed) để tăng tốc độ tìm kiếm?**

 **A. Ngày nhận B. Số trang C. Loại sách D. Mã sách**

**Câu 24. Thuộc tính nào của cột trong Access giúp kiểm soát việc nhập liệu dữ liệu vào bảng?**

 **A. Field Name B. Required C. Indexed D. Input Mask**

**Câu 25. Biểu mẫu phân cấp trong Access thường dùng để làm gì?**

 **A. Hiển thị dữ liệu của nhiều bảng không liên quan**

 **B. Nhập dữ liệu từ nguồn ngoài**

 **C. Hiển thị đồng bộ dữ liệu từ hai bảng có quan hệ**

 **D. Thực hiện tính toán trên bảng dữ liệu**

**Câu 26. Kiểu dữ liệu Short Text có kích thước:**

 **A. 1 bit B. 8 byte**

 **C. Tới 63999 kí tự D. Không quá 255 kí tự**

**Câu 27. Trường mặc định đầu tiên khi tạo bảng mới trong Access có tên gì?**

 **A. Name B. Date C. ID D. Address**

**Câu 28. Để đặt trường làm khóa chính trong Access, sử dụng nút lệnh nào?**

 **A. Sort & Filter B. Delete Row C. Primary Key D. Insert Row**

**Câu 29. Ô tìm kiếm trong Microsoft Access tiếng anh là:**

 **A. Search for templates B. Search for online**

 **C. Search for online templates D. Search templates**

**Câu 30. Kiểu dữ liệu nào nên chọn cho cột "Số trang" trong bảng Sách?**

 **A. Short Text B. Date/Time C. Number D. Currency**

**Câu 31. Khi tạo biểu mẫu nhiều bản ghi, bạn chọn tùy chọn nào để tạo biểu mẫu có dạng như khung nhìn bảng dữ liệu?**

 **A. Form B. Muliples Items C. Split Form D. DataSheet**

**Câu 32. Khi nào nên sử dụng khuôn mẫu trong Access?**

 **A. Khi muốn xóa một cơ sở dữ liệu**

 **B. Khi muốn tạo một cơ sở dữ liệu từ đầu**

 **C. Khi cần tạo bảng mới mà không có sẵn khuôn mẫu**

 **D. Khi cần một cơ sở dữ liệu có cấu trúc sẵn để chỉ nhập dữ liệu**

**Câu 33. Lựa chọn nào sau đây đảm bảo toàn vẹn tham chiếu?**

 **A. Đánh dấu hộp kiểm Enforce Referential Integrity**

 **B. Bật chức năng Lookup Wizard**

 **C. Không cần thiết lập gì**

 **D. Đặt khoá chính cho cả hai bảng**

**Câu 34. Để lưu trữ dữ liệu về tiền tệ trong bảng, nên chọn kiểu dữ liệu nào?**

 **A. Number B. Date/Time C. Currency D. Short Text**

**Câu 35. Có bao nhiêu bước thay đổi khung nhìn**

 **A. 4 B. 1 C. 3 D. 2**

**Câu 36. Cách tạo mối quan hệ giữa hai bảng là gì?**

 **A. Chọn trường khoá chính từ cả hai bảng**

 **B. Kéo và thả từ trường khoá chính của bảng mẹ vào trường khoá ngoài của bảng con**

 **C. Kéo và thả từ trường khoá ngoài của bảng con vào trường khoá chính của bảng mẹ**

 **D. Chọn trường bất kỳ từ hai bảng**

**Câu 37. Để tạo một truy vấn nối hai bảng, bạn cần thực hiện thao tác nào?**

 **A. Chọn nhiều bảng và nhấn Add**

 **B. Nhấn vào "Delete Query"**

 **C. Nhấn vào "Create" và chọn "Make Table"**

 **D. Chọn một bảng và nhấn Add**

**Câu 38. Định dạng tệp cơ sở dữ liệu của Microsoft Access là gì?**

 **A. .docx B. .pptx C. .accdb D. .xlsx**

**Câu 39. Khi tạo biểu mẫu bằng Form Wizard, bước nào sau đây yêu cầu chọn các trường dữ liệu?**

 **A. Bước 4 B. Bước 3 C. Bước 1 D. Bước 2**

**Câu 40. Biểu mẫu nào dưới đây cho phép hiển thị nhiều bản ghi cùng lúc?**

 **A. Biểu mẫu nhiều bản ghi B. Biểu mẫu không kết buộ**

 **C. Biểu mẫu phân cấp D. Biểu mẫu tách đôi**

**Câu 41. Để thay đổi khung nhìn của đối tượng trong Microsoft Access, cách nào là đúng?**

 **A. Nhấn phím F5 B. Nháy chuột vào biểu tượng lưu**

 **C. Nháy chuột vào nút lệnh View D. Nháy chuột vào vùng điều hướng**

**Câu 42. Biểu tượng trong Access là :**

 **A. Truy vấn B. Báo cáo C. Biểu mẫu D. Bảng**

**Câu 43. Đối tượng phù hợp sử dụng Microsoft Access**

 **A. Các cơ quan, doanh nghiệp nhỏ, người dùng trong một cộng đồng**

 **B. Các cơ quan, doanh nghiệp nhỏ, người dùng cá nhân**

 **C. Các cơ quan, doanh nghiệp lớn, tổ chức có quy mô quốc gia**

 **D. Các cơ quan, doanh nghiệp nhà nước**

**Câu 44. Để tạo một truy vấn đơn giản trong Access, bước đầu tiên cần thực hiện là gì?**

 **A. Nhấp vào "Create Table" B. Nhấp vào "Import Data"**

 **C. Nhấp vào "Create Query Design" D. Nhấp vào "Run Query"**

**Câu 45. Truy vấn hành động trong Access dùng để làm gì?**

 **A. Hiển thị dữ liệu B. Thay đổi nhiều bản ghi trong bảng**

 **C. Chọn dữ liệu từ bảng D. Tạo báo cáo**

**Câu 46. Truy vấn SELECT trong Access được sử dụng để làm gì?**

 **A. Tạo bảng mới**

 **B. Cập nhật dữ liệu trong bảng**

 **C. Xoá dữ liệu trong bảng**

 **D. Chọn và hiển thị dữ liệu từ một hoặc nhiều bảng**

**Câu 47. Trong thiết kế truy vấn, phần nào cho phép sắp xếp kết quả truy vấn?**

 **A. Hàng Field B. Hàng Table C. Hàng Criteria D. Hàng Sort**

**Câu 48. Để sắp xếp bản ghi theo thứ tự tăng dần hoặc giảm dần, bạn cần thao tác gì?**

 **A. Chọn Home > Group B. Chọn Field > Arrange**

 **C. Chọn Insert > Filter D. Chọn Home > Sort & Filter**

**Câu 49. Trong một bảng cơ sở dữ liệu, "Field Name" là gì?**

 **A. Tên của một cột trong bảng. B. Tên của bảng.**

 **C. Tên của một bản ghi trong bảng. D. Tên của một hàng trong bảng.**

**Câu 50. Microsoft Access là phần mềm gì?**

 **A. Hệ quản trị cơ sở dữ liệu B. Ứng dụng soạn thảo văn bản**

 **C. Phần mềm đồ họa D. Công cụ lập trình**

**Câu 51. Trong một phép nối ngoài trái, hệ thống sẽ làm gì?**

 **A. Lấy tất cả các bản ghi của bảng bên phải**

 **B. Chỉ nối các bản ghi của bảng bên phải**

 **C. Lấy tất cả các bản ghi của bảng bên trái, và chỉ nối với các bản ghi khớp của bảng bên phải**

 **D. Chỉ nối các bản ghi của bảng bên trái**

**Câu 52. Trong khung nhìn bảng dữ liệu của Access, một hàng tương ứng với gì?**

 **A. Một cơ sở dữ liệu B. Một cột C. Một trường D. Một bản ghi**

**Câu 53. Trong cơ sở dữ liệu, bảng là gì?**

 **A. Một tập hợp các truy vấn để lấy dữ liệu.**

 **B. Một tập hợp các báo cáo để hiển thị dữ liệu.**

 **C. Một tập hợp các hàng và cột để lưu trữ dữ liệu.**

 **D. Một tập hợp các biểu mẫu để nhập dữ liệu.**

**Câu 54. Trong trường hợp muốn sắp xếp theo tên sách trong truy vấn, bạn cần chọn tùy chọn nào?**

 **A. None B. Descending C. Ascending D. Both**

**Câu 55. Khi nào bạn nên tạo sao lưu trước khi thực hiện truy vấn hành động?**

 **A. Khi thực hiện thay đổi lớn hoặc xoá dữ liệu**

 **B. Khi thực hiện các thao tác đơn giản**

 **C. Khi tạo bảng mới**

 **D. Không cần thiết**

**Câu 56. Loại phép nối nào chỉ lấy các bản ghi nếu các giá trị trường được kết nối trùng khớp?**

 **A. Không có loại nối nào B. Nối ngoài trái**

 **C. Nối trong D. Nối ngoài phải**

**II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG/SAI**

**Câu 1. Khi tạo một cơ sở dữ liệu mới trong Access, nếu chọn Blank desktop database, điều gì sẽ xảy ra?**

**A. Access sẽ tạo ra cơ sở dữ liệu với các bảng, biểu mẫu và báo cáo sẵn có**

**B. Người dùng sẽ phải tự tạo các bảng, biểu mẫu và báo cáo từ đầu**

**C. Access sẽ tự động nhập dữ liệu từ một nguồn ngoài vào cơ sở dữ liệu mới**

**D. Access sẽ tạo một cơ sở dữ liệu mẫu với một vài bản ghi mặc định**

**Câu 2. Khi tạo bảng trong cơ sở dữ liệu, nhận định sau đây là đúng hay sai về cách thiết lập cột và kiểu dữ liệu?**

**A. Mỗi cột trong bảng chỉ có thể chứa một kiểu dữ liệu duy nhất.**

**B. Có thể thay đổi kiểu dữ liệu của một cột sau khi đã nhập dữ liệu.**

**C. Mỗi bảng cần phải có ít nhất một cột làm khóa chính.**

**D. Kiểu dữ liệu "Short Text" không thể dùng để lưu trữ số điện thoại.**

**Câu 3. Trong quá trình thiết kế bảng trong cơ sở dữ liệu Access, nhận định sau đây là đúng hay sai?**

**A. Tên cột có thể bao gồm ký tự đặc biệt như @ hoặc #.**

**B. Có thể sử dụng trường kiểu dữ liệu "Date/Time" để lưu trữ cả ngày tháng và thời gian.**

**C. Một bảng có thể có nhiều trường với thuộc tính "Indexed".**

**D. Trường khóa chính không thể chứa giá trị trùng lặp trong các bản ghi.**

**Câu 4. Trong tiết thực hành Microsoft Access, Nam muốn thiết lập mối quan hệ giữa hai bảng. Các thao tác sau đây của Nam là đúng hay sai?**

**A. Kéo trường khóa chính từ bảng mẹ vào trường khóa ngoài của bảng con để tạo liên kết.**

**B. Nhấp chuột phải lên bảng và chọn "Create Relationship" để tạo mối quan hệ.**

**C. Thiết lập thuộc tính "Enforce Referential Integrity" để đảm bảo toàn vẹn tham chiếu.**

**D. Chỉ có thể tạo mối quan hệ giữa hai bảng nếu cả hai đều có khóa chính.**

**Câu 5. Bình muốn thiết kế một truy vấn Access, các thao tác sau đây của Bình là đúng hay sai khi tạo một truy vấn đơn giản?**

**A. Nhảy chuột chọn "Create Query Design".**

**B. Chọn các bảng cần thiết từ hộp thoại "Show Table".**

**C. Viết câu lệnh SQL thủ công cho truy vấn.**

**D. Ghi lưu truy vấn với tên gọi dễ nhớ.**

**Câu 6. Khi thực hiện truy vấn có tham số trong Access, bạn cần làm gì để người sử dụng có thể nhập dữ liệu?**

**A. Viết câu lệnh SQL đầy đủ với các giá trị cố định.**

**B. Để trống ô nhập liệu trong thiết kế truy vấn.**

**C. Sử dụng cặp ngoặc vuông để tạo lời nhắc cho tham số.**

**D. Không cần làm gì, truy vấn sẽ tự động hiển thị tất cả các bản ghi.**

**III. Tự luận**

**Câu 1: Nêu các bước tạo cơ sở dữ liệu mới từ Blank desktop database**

**Câu 2: Nêu quy trình thiết lập mối quan hệ giữa hai bảng**

**Câu 3: Phân biệt biểu mẫu một bản ghi và biểu mẫu nhiều bản ghi**

**Câu 4: So sánh biểu mẫu có kết buộc với bảng và biểu mẫu không kết buộc**

**Câu 5: Các bước Tạo biểu mẫu một bản ghi**

**Câu 6: Các bước tạo biểu mẫu nhiều bản ghi**

**Câu 7: Các bước sắp xếp bản ghi theo giá trị một trường**

**Câu 8: Truy vấn có tham số là gì? Lời nhắc điền tham số viết ở đâu?**